

Số: 89 /2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

**THÔNG TƯ**  
**Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với**  
**Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

*Căn cứ Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;*

*Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/07/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về tài khoản kế toán, báo cáo tài chính áp dụng đối với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

2. Thông tư này không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đối với ngân sách Nhà nước;

3. Những nội dung không hướng dẫn tại Thông tư này, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện theo Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán; Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp (nếu có).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây gọi tắt là VSD).

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Quy định về tài khoản kế toán**

1. Danh mục hệ thống tài khoản kế toán và nội dung, kết cấu, phương pháp ghi chép một số tài khoản kế toán đặc thù của VSD thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp VSD cần bổ sung tài khoản cấp 1, cấp 2 hoặc sửa đổi tài khoản cấp 1, cấp 2 đã hướng dẫn tại Thông tư này về tên, ký hiệu, nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đặc thù phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

3. VSD được mở thêm các tài khoản từ cấp 2 trở đi đối với những tài khoản không có quy định tài khoản cấp 2, cấp 3 nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của VSD mà không phải đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận.

#### **Điều 4. Quy định về báo cáo tài chính**

1. Hệ thống báo cáo tài chính của VSD gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ.

a) Báo cáo tài chính năm của VSD, bao gồm:

- |                                        |                   |
|----------------------------------------|-------------------|
| - Báo cáo tình hình tài chính          | Mẫu số B 01 - VSD |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 - VSD |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | Mẫu số B 03 - VSD |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính        | Mẫu số B 09 - VSD |

b) Báo cáo tài chính giữa niên độ của VSD (dạng đầy đủ), bao gồm:

- |                                                     |                    |
|-----------------------------------------------------|--------------------|
| - Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ          | Mẫu số B 01a - VSD |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ | Mẫu số B 02a - VSD |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ           | Mẫu số B 03a - VSD |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc            | Mẫu số B 09a - VSD |

2. Biểu mẫu báo cáo tài chính và hướng dẫn lập, trình bày các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính của VSD thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Phương thức gửi, nhận báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử tùy theo điều kiện thực tế và yêu cầu của cơ quan nhận báo cáo.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 5. Chuyển đổi số dư trên sổ kế toán**

1. VSD thực hiện chuyển đổi số dư trên sổ kế toán theo quy định tại Thông tư này.

2. Các nội dung khác đang phản ánh chi tiết trên các tài khoản có liên quan nếu trái so với Thông tư này thì phải điều chỉnh lại theo quy định tại Thông tư này.

##### **Điều 6. Điều khoản hồi tố**

VSD trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư này và chế độ kế toán của VSD ban hành theo Thông tư 152/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thuyết minh lý do có sự thay đổi trong Thông tư này.

## Điều 7. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10.10.2020 và áp dụng bắt đầu cho năm tài chính 2020. Thông tư này thay thế cho Thông tư số 152/2010/TT-BTC ngày 28/09/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán đối với VSD.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc VSD và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết. /

### Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- UBND, Sở Tài chính, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam;
- Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, Cục QLKT. (30b)

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**PHỤ LỤC SỐ 01****A. DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2019/TT-BTC ngày 26/12/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam)

TT	SỐ HIỆU TÀI KHOẢN			TÊN TÀI KHOẢN	GHI CHÚ
	CẤP 1	CẤP 2	CẤP 3		
1	2	3	4	5	6
				<b>LOẠI TÀI KHOẢN TÀI SẢN</b>	
	<b>111</b>			<b>Tiền mặt</b>	
		1111		Tiền Việt Nam	
		1112		Ngoại tệ	
		1113		Vàng tiền tệ	
	<b>112</b>			<b>Tiền gửi Ngân hàng</b>	
		1121		Tiền Việt Nam	
		1122		Ngoại tệ	
		1123		Vàng tiền tệ	
	<b>113</b>			<b>Tiền đang chuyên</b>	
		1131		Tiền Việt Nam	
		1132		Ngoại tệ	
	<b>128</b>			<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	
		1281		Tiền gửi có kỳ hạn	
		1288		Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	
	<b>131</b>			<b>Phải thu của khách hàng</b>	
	<b>132</b>			<b>Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán</b>	
	<b>133</b>			<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	
		1331		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	
		1332		Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	
	<b>134</b>			<b>Phải thu thành viên lưu ký chứng khoán</b>	
	<b>135</b>			<b>Phải thu thành viên bù trừ</b>	
	<b>136</b>			<b>Phải thu nội bộ</b>	
		1361		Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	
		1368		Phải thu nội bộ khác	
	<b>138</b>			<b>Phải thu khác</b>	
		1381		Tài sản thiếu chờ xử lý	
		1388		Phải thu khác	
	<b>141</b>			<b>Tạm ứng</b>	
	<b>152</b>			<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	
	<b>153</b>			<b>Công cụ, dụng cụ</b>	
	<b>161</b>			<b>Chi sự nghiệp</b>	
		1611		Chi sự nghiệp năm trước	
		1612		Chi sự nghiệp năm nay	
	<b>171</b>			<b>Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ</b>	
	<b>211</b>			<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
		2111		Nhà cửa, vật kiến trúc	
		2112		Máy móc, thiết bị	